

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/DS-PT

Ngày: 14/02/2023

Về việc “*Tranh chấp đòi  
di sản thừa kế*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn P Hưng

*Các Thẩm phán* : Ông Hoàng Ngọc Linh

Ông Cao Minh Lễ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Ông Phạm Trường San, Kiểm sát V tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 và ngày 14 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 277/2022/TLPT-DS ngày 16/12/2022 về “*Tranh chấp đòi di sản thừa kế*”.

Do Bản án số 130/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2022/QĐXX-PT ngày 19/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐ-PT ngày 12/01/2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*

*1.1 Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1944; (có đơn xin vắng mặt)*

*1.2 Bà Mai Thị T, sinh năm 1982; (vắng mặt)*

*1.3 Ông Mai Thanh N, sinh năm 1977; (có mặt)*

*1.4 Ông Mai Văn T1, sinh năm 1975, (có đơn xin vắng mặt)*

Cùng cư trú: ấp T10, thị trấn M1, huyện M1, tỉnh An Giang.

*1.5 Ông Mai Văn T2, sinh năm 1968; cư trú: ấp P1, xã A, huyện M1, tỉnh An Giang. (có mặt)*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T2:* ông Phan Thành T3, luật sư Văn phòng luật sư Phan Thành T3, thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

1.6 Ông Mai Văn V, sinh năm 1963; cư trú: số 476, ấp Q2, xã Đ2, huyện M1, tỉnh An Giang. (có mặt)

1.7 Ông Mai Văn T4, sinh năm 1966; cư trú : số 372A, ấp T10, thị trấn M1, huyện M1, tỉnh An Giang. (có đơn xin vắng mặt)

1.8 Bà Mai Thị Cẩm G, sinh năm 1979; cư trú: ấp Q3, xã T12, huyện M1, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. *Bị đơn:* ông Mai Hữu P, sinh năm 1971; cư trú: , ấp T10, thị trấn M1, huyện M1, tỉnh An Giang. (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Mai Hữu P:* bà Lê Thị C, Luật sư Văn phòng luật sư Lê Thị C – Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Thái Thị N1, sinh năm 1950 (có mặt)

3.2 Bà Lê Thị T5, sinh năm 1968 (có mặt)

3.3 Ông Lê Văn Q, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng cư trú: ấp Trung S, thị trấn O, huyện Thoại S, tỉnh An Giang.

3.4 Ông Lê Văn N2, sinh năm 1972; cư trú: ấp I, xã T13, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

3.5 Bà Mai Thị N3, sinh năm 1953 (đã chết ngày 01/01/2020).

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Mai Thị N3:*

+ Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1950 (có đơn xin vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng cư trú: T14, xã T15, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1978; cư trú: ấp I, xã An P, huyện B, tỉnh Đồng Tháp. (có đơn xin vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1981; cư trú: S1, xã S2, huyện N3, tỉnh Đồng Tháp. (có đơn xin vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Q1, sinh năm 1987; cư trú: ấp H, xã H1, huyện B, tỉnh Đồng Tháp. (có đơn xin vắng mặt)

3.6 Bà Mai Thị Cẩm D (C1), sinh năm 1979; cư trú: ấp T10, thị trấn M1, huyện M1, tỉnh An Giang. (có mặt)

3.7 Ông Nguyễn Quốc P, sinh năm 1975; cư trú: ấp T10, thị trấn M1, huyện M1, tỉnh An Giang. (có mặt)

3.8 Bà Mai Kim T7, sinh năm 1966; cư trú: ấp A1, xã A3, huyện Cù Lao D, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3.9 Bà Mai Kim C, sinh năm 1975; cư trú: tổ 8, ấp Long Phú 1, xã Đ1, huyện M1, tỉnh An Giang. (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C:* ông Trần Ngọc P, Luật sư Văn phòng luật sư Thanh Bạch – Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

3.10 Bà Võ Thị G1, sinh năm 1950; cư trú: ấp T10, thị trấn M1, huyện M1, tỉnh An Giang. (có đơn xin vắng mặt)

3.11 Ông Trần P Đ1, sinh năm 1955; cư trú: ấp T10, thị trấn M1, huyện M1, tỉnh An Giang. (có đơn xin vắng mặt)

3.12 Bà Châu Thị U, sinh năm 1974; cư trú: số 387B, tổ 25, ấp T10, thị trấn M1, huyện M1, tỉnh An Giang. (có mặt)

3.13 Anh Mai P T8, sinh năm 1997; cư trú: ấp T10, thị trấn M1, huyện M1, tỉnh An Giang. (có đơn xin vắng mặt)

3.14 Chị Mai Thị Cẩm T9, sinh năm 2003; cư trú: ấp T10, thị trấn M1, huyện M1, tỉnh An Giang. (có đơn xin vắng mặt)

3.15 Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 2000; cư trú: ấp T10, thị trấn M1, huyện M1, tỉnh An Giang. (có đơn xin vắng mặt)

3.16 Cháu Nguyễn Quốc K1, sinh năm 2016; cư trú: ấp T10, thị trấn M1, huyện M1, tỉnh An Giang.

*Người đại diện theo pháp luật cho cháu Nguyễn Quốc K1:* bà Mai Thị Cẩm D và ông Nguyễn Quốc P; cùng cư trú: số 387B, ấp T10, thị trấn Chợ Mới, huyện M1, tỉnh An Giang. (có mặt)

*Người kháng cáo:* các nguyên đơn: bà Dương Thị Đ, ông Mai Văn V, ông Mai Văn T2, ông Mai Thanh N, ông Mai Văn T1 và bà Mai Thị T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *T1 đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai có T1 hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:* nguồn gốc tài sản tranh chấp là của ông Mai Văn Đành và bà Lê Thị Kiến tạo lập năm 1976 (theo bản kê khai mẫu chung) diện tích khoảng 2.000 m<sup>2</sup> loại đất ruộng, rẫy tọa lạc ấp Thị 2, thị trấn M1, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Lúc ông Đành, bà Kiến còn sống có chuyển nhượng một phần diện tích 200m<sup>2</sup> cho người khác, còn lại 1.800 m<sup>2</sup> tiếp tục quản lý sử dụng. Năm 1979, ông Đành chết, năm 1988 bà Kiến chết không để lại di chúc. Sau khi ông Đành, bà Kiến chết thì ông Mai Văn Bé và

ông Mai Văn Đen tiếp tục quản lý sử dụng toàn bộ đất nói trên. Năm 2017, ông Đen chết; năm 2018 ông Bé chết, cả hai cũng không để lại di chúc. Sau khi ông Bé, ông Đen chết thì ông Mai Hữu P sử dụng cho đến nay không phân chia cho những người khác. Đến ngày 16/07/2019, việc tranh chấp đã được UBND thị trấn Chợ Mới hòa giải, nhưng kết quả không thành. Nay, yêu cầu ông Mai Hữu P trả lại di sản thừa kế của ông Mai Văn Đành, bà Lê Thị Kiến để lại diện tích 2.050,2 m<sup>2</sup> để phân chia di sản thừa kế.

*Bị đơn, ông Mai Hữu P trình bày:* nguồn gốc đất tranh chấp là của cha tên Mai Văn Đen, sinh năm 1944 (chết năm 2017) và mẹ Đỗ Thị Nưa, sinh năm 1948 (chết năm 2002) sinh sống từ trước năm 1975 với diện tích khoảng 2.500 m<sup>2</sup> và cất nhà trên đất ở cho đến khi qua đời. Khi cha mẹ mất thì anh em ông tiếp tục sống T1 nhà của cha mẹ để quản lý và sử dụng phần đất này cho đến nay. Năm 1998 khi nhà nước có chủ trương làm đường dẫn cầu ông Chưởng, vận động nhân dân hiến đất nên cha ông có hiến 142,5 m<sup>2</sup> để làm đường dẫn cầu ông Chưởng và được ghi tên T1 bảng vàng của Ủy ban thị trấn. Năm 2000, nhà nước có chủ trương đo đạc, ông Đen đã làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Văn phòng đăng ký đất đai đo đạc và vào sơ đồ khu đất thuộc thửa số 153, tờ bản số 27, diện tích 2.360 m<sup>2</sup>. Do ông Đen chết nên chưa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2018 ông làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi Văn phòng đăng ký đất đai tiến hành đo đạc thì phía nguyên đơn ngăn cản. Nay, không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất này.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *Ông Lê Văn N2 trình bày:* thống nhất như ý kiến của nguyên đơn yêu cầu ông Mai Hữu P trả lại di sản thừa kế của ông Mai Văn Đành và bà Lê Thị Kiến để lại để phân chia thừa kế.

- *Bà Mai Thị Cẩm D, Mai Thị C, Mai Kim T7 trình bày:* thống nhất như ý kiến của ông Mai Hữu P, không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

*Người làm chứng ông Nguyễn Quang Anh trình bày:* Nguồn gốc đất T3 nào thì ông không rõ, tuy nhiên từ lúc ông lớn lên cho đến bây giờ ông chỉ biết ông Mai Văn Đen là người trực tiếp canh tác và quản lý phần đất trên từ khoảng năm 1975 cho đến khi qua đời. Sau khi ông Đen qua đời thì con ông Đen là Mai Hữu P tiếp tục quản lý và sử dụng cho đến nay.

Tại Bản án số 130/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Đ, ông Mai Văn T2, ông Mai Văn V, ông Mai Văn T4, ông Mai Thanh N, ông Mai Văn T1, bà Mai Thị T,

bà Mai Thị Cẩm G về việc đòi di sản thừa kế diện tích 2.050,2m<sup>2</sup> đối với ông Mai Hữu P (Mai Văn P). (Sơ đồ hiện trạng ngày 27/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới là bộ phận không thể tách rời bản án).

Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của ông Mai Hữu P, bà Mai Kim T7, bà Mai Thị Thu C, bà Mai Thị Cẩm D T1 việc yêu cầu công nhận diện tích đất 2.360 m<sup>2</sup> theo sơ đồ hiện trạng đất tranh chấp ngày 27/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh Chợ Mới là của ông Mai Văn Đen để tiếp tục được quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định, đo đạc và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/9/2022, bà Dương Thị Đ, ông Mai Văn V, ông Mai Văn T2, ông Mai Thanh N, ông Mai Văn T1 và bà Mai Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Mai Hữu P trả lại di sản thừa kế của ông Mai Văn Đành và bà Lê Thị Kiến để lại.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ nhưng phía nguyên đơn cung cấp bản chính giấy tờ mua bán năm 1957 và bản chính Bản kê khai mẫu chung năm 1976 tên cụ Mai Văn Đành.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Mai Văn T2, Luật sư Phan Thành T3 nêu quan điểm: Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xác định đất của ông Mai Văn Đen, bà Đỗ Thị Nura chỉ căn cứ vào lời khai của ông Mai Hữu P nhưng công văn của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện Chợ Mới xác định không có hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đen. T1 khi đó, cụ Mai Văn Đành có giấy tờ mua bán đất năm 1957 và bản kê khai nhà đất cho dân thường thành phố (mẫu chung) năm 1976 đã chứng tỏ nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của cụ Mai Văn Đành cụ Lê Thị Kiến; các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là có cơ sở.

Tòa án cấp sơ thẩm đã phiên diện khi chỉ căn cứ vào lời khai của bị đơn, phớt lờ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; các lời khai của người làm chứng thì đều không biết về nguồn gốc đất mà chỉ thấy ông Đen là người canh tác.

Từ những lý do trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ lại cho Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giải quyết lại theo thủ tục chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Mai Kim C, Luật sư Trần Ngọc P cho rằng pháp luật dân sự dành cho cá nhân quyền để lại tài sản của cá nhân đó cho người khác sau khi qua đời, có thể là chuyển giao quyền cho người khác hoặc nếu không thì giao cho người khác quản lý và T1 trường hợp này, ông P

là người quản lý di sản và đối cH với các quy định thì ông P không có lỗi gì T1 việc quản lý di sản nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và dành quyền khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế cho các nguyên đơn T1 vụ án khác theo quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Mai Kim C, Luật sư Lê Thị C: trước hết, yêu cầu khởi kiện và phạm vi khởi kiện của các nguyên đơn là đòi di sản thừa kế nên phạm vi xét xử phải T1 phạm vi khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào Điều 100, Điều 101 Luật đất đai, người sử dụng đất ổn định, lâu dài thì được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Gia đình ông P đã sử dụng ổn định, lâu dài được chứng minh qua các hóa đơn điện, nước và theo xác minh với những người sống lân cận, có đất giáp ranh đều xác định chỉ có ông Mai Văn Đen là người duy nhất sử dụng phần đất tranh chấp và khi Nhà nước xây dựng cầu, ông Đen chính là người hiến một phần đất để làm đường. Gia đình ông Mai Văn Bé trước đây sử dụng phần đất ở mé sông nhưng đã chuyển nhượng cho người khác, không có quá trình sử dụng đất tranh chấp phía nguyên đơn không có các loại giấy tờ được quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật đất đai nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu về vụ án: từ khi thụ lý phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự, đại diện hợp pháp của đương sự thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ đề nguyên đơn khởi kiện là bản kê khai nhà đất dùng cho dân thường thành phố (mẫu chung) ngày 08/9/1976 và biên bản hòa giải ngày 16/7/2019 của UBND thị trấn Chợ Mới, có nội dung: các con cháu của ông Mai Văn Đành yêu cầu ông Mai Hữu P trả lại diện tích đất khoảng 2.000m<sup>2</sup> là di sản thừa kế của ông Đành, bà Kiến.

Tại biên bản thẩm định ngày 03/7/2020, trên phần đất tranh chấp có khu mộ của gia đình ông P, 01 căn nhà của gia đình ông Mai Hữu P và 01 căn nhà của gia đình bà Mai Thị Cẩm D.

Phía bà Đ cùng các con khởi kiện và cho rằng phần đất tranh chấp là của ông Đành, bà Kiến tại thời điểm ông Mai Văn Đen, ông Mai Văn Bé còn sống đã cùng quản lý, sử dụng phần đất này. Tuy nhiên, qua thu thập chứng cứ và lời khai những người làm chứng đều xác định phần đất này trước đây do ông Đen quản lý, sử dụng còn ông Bé ở phía bờ sông nhưng đã bán cho người khác và chuyển đi nơi khác sinh sống. Ngoài những chứng cứ này, phía bà Đ và các con không cung cấp giấy về quyền sử dụng đất theo quy định tại các Điều 100, 101 Luật Đất đai nên không có cơ sở xác định diện tích đất 2.050,2m<sup>2</sup> theo sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 27/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới lập

là di sản thừa kế do ông Đành, bà Kiến nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Bị đơn có yêu cầu phản tố nhưng tại phiên tòa sơ thẩm đã rút lại nên cấp sơ thẩm đình chỉ là phù hợp quy định pháp luật.

Bà Mai Thị T là người kháng cáo nhưng đã được Tòa án T4 tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không lý do coi như từ bỏ việc kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Mai Thị T.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Mai Thị T và các đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có T1 hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thủ tục: bà Dương Thị Đ, ông Mai Văn V, ông Mai Văn T2, ông Mai Thanh N, ông Mai Văn T1 và bà Mai Thị T kháng cáo T1 thời hạn luật định, T1 đó: bà Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí và ông V, ông T2, ông N, ông T1 và bà T nộp tiền tạm ứng án phí T1 hạn luật định nên kháng cáo của các ông, bà là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: các đương sự đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, T4 tập hợp lệ các đương sự đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà Mai Thị T, ông Lê Văn Q vắng mặt không rõ lý do; đối với các đương sự: bà Dương Thị Đ, ông Mai Văn T1, ông Mai Văn T4, ông Nguyễn Hữu M, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T6, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Q1, bà Võ Thị G1, ông Trần P Đ1, anh Mai P T8, chị Mai Thị Cẩm T9, anh Nguyễn Quốc K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự vừa nêu là phù hợp với quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về kháng cáo của bà Dương Thị Đ, ông Mai Văn V, ông Mai Văn T2, ông Mai Thanh N, ông Mai Văn T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 22/9/2022, bà Dương Thị Đ, ông Mai Văn V, ông Mai Văn T2, ông Mai Thanh N, ông Mai Văn T1 và bà Mai Thị T kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm T1 đó yêu cầu buộc ông Mai Hữu P trả lại di sản thừa kế do cụ Mai Văn Đành và cụ Lê Thị Kiến để lại.

Hội đồng xét xử thấy rằng: vào ngày 11/9/2019, bà Dương Thị Đ, ông Mai Văn V, ông Mai Văn T4, ông Mai Văn T2, ông Mai Văn T1, ông Mai Thanh N, bà Mai Thị Cẩm G và bà Mai Thị T khởi kiện yêu cầu ông Mai Hữu P phải trả lại

1.800m<sup>2</sup> đất là di sản do cụ Mai Văn Đành và cụ Lê Thị Kiến để lại để các ông bà chia thừa kế theo pháp luật. Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của các đương sự, ngày 02/01/2020, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý vụ án về “Tranh chấp di sản thừa kế” là đúng với quan hệ pháp luật tranh chấp.

T1 giai đoạn thu thập tài liệu, chứng cứ; ngày 23/6/2021, tại đơn khởi kiện bổ sung, bà Dương Thị Đ, ông Mai Văn V, ông Mai Văn T4, ông Mai Văn T2, ông Mai Văn T1, ông Mai Thanh N, bà Mai Thị Cẩm G và bà Mai Thị T vẫn có yêu cầu ông P trả lại di sản để các ông bà chia thừa kế theo pháp luật và yêu cầu bổ sung tăng thêm 250,2m<sup>2</sup> đất so với yêu cầu khởi kiện ban đầu nhưng lại được Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý bổ sung thành vụ kiện “Tranh chấp đòi di sản thừa kế” như theo Thông báo về việc thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện số 61A/2021/TB-TLVA ngày 25/6/2021.

Trên cơ sở xác định vụ án tranh chấp đòi di sản thừa kế, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới đã thu thập các tài liệu, chứng cứ về nguồn gốc sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 2.050,2m<sup>2</sup> với kết quả gia đình ông Mai Văn Bé không có quá trình sử dụng đất; Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới sử dụng kết quả xác minh về nguồn gốc sử dụng đất và việc phía bà Đ không cung cấp được các loại giấy tờ được quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013 để không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn là chưa thuyết phục, không đúng. Đó là:

Thứ nhất: việc xác minh về nguồn gốc sử dụng đất được thực hiện đối với những người cung cấp thông tin gồm: ông Phan Ngọc Thái (công chức địa chính thị trấn Chợ Mới), ông Nguyễn Quang Anh (hàng xóm ông P), bà Võ Thị G1 (có đất giáp ranh), bà Đỗ Thị Tuyết Nga (là con của ông Đỗ Văn Lanh, người được cho rằng nhận chuyển nhượng phần đất dưới mé sông từ ông Mai Văn Bé) đều không biết về nguồn gốc đất mà chỉ xác định gia đình ông Mai Văn Đen sử dụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài ông Mai Hữu P trình bày không biết về nguồn gốc căn nhà và phần đất 2.050,2m<sup>2</sup> đất mà cha ông là ông Mai Văn Đen sử dụng thì các người con khác của ông Mai Văn Đen lại đều xác nhận căn nhà gắn liền với phần diện tích đất 2.050,2m<sup>2</sup> có nguồn gốc do cụ Mai Văn Đành và cụ Lê Thị Kiến để lại.

Thứ hai: các nguyên đơn khởi kiện tranh chấp liên quan đến việc chia thừa kế đối với di sản là quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 2.050,2m<sup>2</sup> do cụ Đành và cụ Kiến để lại, thể hiện qua đơn khởi kiện, lời trình bày T1 các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nhưng Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới tuy xác định quan hệ pháp luật “Đòi di sản thừa kế” lại áp dụng pháp luật về quyền sở hữu, quyền sử dụng đất, xác định quá trình sử dụng đất để quyết định không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế là không đúng.

Bên cạnh đó, chính việc xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp đã dẫn đến việc thu thập, xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp không phiên diện, chỉ thu thập các nguồn chứng cứ liên quan đến quá trình sử dụng đất của phía nguyên đơn, của phía bị đơn mà không xem xét, đánh giá về tài liệu



do nguyên đơn cung cấp là giấy tờ mua bán đất năm 1957 và kê khai mẫu chung năm 1976 của cụ Mai Văn Đành.

Ngoài ra, ông Mai Văn Ích chết trước cụ Mai Văn Đành và cụ Lê Thị Kiến nhưng Tòa án xác định và đưa bà Thái Thị N1 tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không chính xác.

Đối với các ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Như đã phân tích ở phần trên, yêu cầu của các nguyên đơn là yêu cầu trả lại di sản để chia thừa kế của cụ Đành, cụ Kiến theo pháp luật và di sản này hiện do ông Mai Văn P quản lý nhưng ông P không đồng ý vì cho rằng đây không phải di sản do cụ Đành và cụ Kiến để lại mà là tài sản có nguồn gốc của cha mẹ ông P tạo lập, các nguyên đơn hoàn toàn không có yêu cầu thay đổi người quản lý di sản. Vì vậy, không có cơ sở để xác định các nguyên đơn yêu cầu thay đổi người quản lý di sản như ý kiến của Luật sư P để từ đó có thể giữ nguyên bản án sơ thẩm và dành quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế cho các đương sự.

Đối với ý kiến của Luật sư C về việc xác định phía nguyên đơn không có căn cứ đòi lại di sản do ông Mai Văn Bé không có quá trình sử dụng đất và phía nguyên đơn không có các loại giấy tờ được quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013, đồng thời phía bị đơn có quá trình sử dụng ổn định lâu dài được chứng minh qua xác nhận của những người làm chứng và hóa đơn điện nước để đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn. Ý kiến này của Luật sư C không được Hội đồng xét xử chấp nhận vì ông Mai Văn Bé không phải là chủ sử dụng đất đối với phần đất có yêu cầu chia thừa kế nên hiển nhiên gia đình ông Bé không có các loại giấy tờ được quy định tại Điều 100 Luật đất đai và T1 quan hệ về thừa kế, người thừa kế không bắt buộc phải có quá trình sử dụng di sản thừa kế; ngoài ra, căn cứ vào quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 và Pháp lệnh thừa kế thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế cụ thể T1 vụ án này được xác định là 30 năm kể từ ngày 10/9/1990 và các nguyên đơn đã khởi kiện, được Tòa án thụ lý khi còn thời hiệu yêu cầu chia thừa kế nên không thể cho rằng ông P đã sử dụng ổn định lâu dài để không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn là không đúng.

Do các sai sót trên như ý kiến của Luật sư T3 và phân tích của Hội đồng xét xử, mặc dù đủ căn cứ để xác định phần đất có diện tích 2.050,2m<sup>2</sup> là do cụ Đành, cụ Kiến để lại nhưng do việc thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm không đầy đủ và không thể thực hiện tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Đối với việc vắng mặt của bà Mai Thị T tại phiên tòa: bà T đã được T4 tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, lẽ ra phải đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu kháng cáo của bà T, tuy nhiên bà T kháng cáo có cùng nội dung như kháng cáo của các đương sự khác và qua xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng

xét xử quyết định hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên không cần thiết phải đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà T như theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[5] Do Hội đồng xét xử quyết định hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu tiền án phí phúc thẩm và nghĩa vụ chịu tiền án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng sẽ được xem xét khi Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị Đ, ông Mai Văn V, ông Mai Văn T2, ông Mai Thanh N, ông Mai Văn T1.

Hủy toàn bộ Bản án số 130/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Hoàn ông Mai Văn V, ông Mai Văn T2, ông Mai Thanh N, ông Mai Văn T1, bà Mai Thị T mỗi người được nhận 300.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0005545, 0005546, 0005547, 0005548 và 0005549 cùng ngày 23/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Nghĩa vụ chịu tiền án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn P Hưng**